

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/HS-ST  
Ngày 28-10-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Ngọc Hân, ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Vi Xuân Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn M, sinh năm 1986 tại thành phố B, tỉnh B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố Tân Ninh, phường Trần P, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Gia đình có 03 anh em, bản thân là thứ 3; Bị cáo chưa kết hôn; Bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015.

- Tiền án: Tại bản án số 189 ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tiền sự:

+ Tại quyết định số 44 ngày 13/12/2017, Tòa án nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 01 năm (chấp hành xong ngày 19/12/2018).

+ Tại quyết định số 11 ngày 24/4/2019 của Công an phường Ngô Q, thành phố B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (chưa nộp phạt).

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa)

\* Bị hại:

- Anh Trần Văn N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Toàn Thắng, xã Lão H, huyện Yên D, tỉnh B.

(Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Thuyền, xã Dĩnh Trì, thành phố B, tỉnh B.

(Có mặt)

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Không Thị B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố Tân Ninh, phường Trần P, thành phố B là người có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong khoảng thời gian từ ngày 02/7/2020 đến ngày 03/7/2020, Nguyễn Văn M đã thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 12 giờ ngày 02/7/2020, Nguyễn Văn M đi bộ từ đường Nguyễn Doãn Đ rẽ vào đường Lưu Nhân Ch, phường Thọ Xương, thành phố B với mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến đoạn đường trước ngôi nhà đang xây dựng ở số 86 đường Lưu Nhân Ch, phường Thọ Xương, M nhìn thấy có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H7-2109, nhãn hiệu DAMSE, màu sơn nâu của anh Trần Văn N, sinh năm 1985, trú tại thôn Toàn Thắng, xã Lão H, huyện Yên D, tỉnh B đang dựng trên vỉa hè (anh N là thợ xây đang xây dựng tại số nhà 86 đường Lưu Nhân Ch). Sau khi quan sát thấy chiếc xe không có người trông giữ, xung quanh không có ai để ý, M đi đến gần chiếc xe và lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc ra 01 chiếc chìa khóa mang theo từ trước cắm vào ổ khóa điện vặn mở được ổ khóa điện. Sau đó, M dùng hai tay quay đầu xe hướng ra đường Lưu Nhân Ch và ngồi lên xe, đạp nổ máy rồi điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ. Sau đó, M điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán sắt vụn của chị Không Thị B sinh năm 1977 trú tại thôn Đồng Quan, xã Đồng Sơn, thành phố B. Tại đây, M đã thỏa thuận bán chiếc xe biển kiểm soát 98H7-2109 cho chị Bắc được số tiền 500.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 15/7/2020, anh Trần Văn N có đơn trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã xác định hiện trường, thu giữ hình ảnh camera giám sát an ninh tại số nhà 94 đường Lưu Nhân Ch, phường Thọ Xương, trong đó có đoạn hình ảnh Nguyễn Văn M trộm cắp tài sản.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 10 giờ ngày 03/7/2020, Nguyễn Văn M đi bộ một mình trên đường Cả Trọng, phường Hoàng Văn T, thành phố B mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến đoạn đường trước cửa quán bia Tuấn Thái ở số nhà 309 đường Cả Trọng, M nhìn thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSE, biển số 98F8-4886, màu sơn nâu của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963, trú tại thôn Thuyền, xã Dĩnh Trì, thành phố B đang dựng trên vỉa hè (bà Th là nhân viên phục

vụ tại quán bia Tuần Thái). Sau khi quan sát thấy chiếc xe không có ai trông giữ, xung quanh không có ai để ý, M đi đến chiếc xe và lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc 01 chiếc chìa khóa mang theo từ trước cắm vào ổ khóa điện vặn mở được ổ khóa điện. M ngồi lên xe đạp nổ máy điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến đoạn đường gom gần cửa hàng Huy Lê cá cảnh thuộc xã Đồng Sơn, thành phố B thì M gặp 01 chiếc xe ô tô đi ngược chiều (M không nhớ biển số xe ô tô). M thấy chiếc xe này có phát loa thu mua xe mô tô cũ nên vẫy tay để xe dừng lại. M đã thỏa thuận bán chiếc xe mô tô biển số 98F8-4886 cho 02 người nam Th niên đi xe ô tô với giá 500.000 đồng. Số tiền có được M khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/7/2020, bà Nguyễn Thị Th đã có đơn trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã xác định hiện trường vụ án, thu giữ hình ảnh từ camera giám sát an ninh tại số nhà 309 đường Cả Trọng, phường Hoàng Văn T trong đó có đoạn hình ảnh Nguyễn Văn M trộm cắp tài sản.

Ngày 17/7/2020, Nguyễn Văn M đến Công an thành phố B đầu thú, tự nguyện giao nộp: 01 đôi dép tổ ong màu trắng; 02 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại có gắn nhựa màu đen, ký hiệu “Honda”; 01 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, ký hiệu “Vĩnh Cửu”. Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn M, tạm giữ: 01 áo phông cộc tay màu đen và 01 quần bò ngắn màu xanh Size 30 đã qua sử dụng trên giường ngủ của Nguyễn Văn M.

Ngày 17/7/2020, Cơ quan điều tra cho chị Không Thị B nhận dạng, kết quả chị Bắc nhận ra Nguyễn Văn M là người đem bán chiếc xe mô tô ngày 02/7/2020. Chị Không Thị B trình bày sau khi mua chiếc xe do Nguyễn Văn M đem bán, khoảng hai ngày sau chị đã bán lại cho người không quen biết. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 316/KL-HĐĐG ngày 22/7/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSE, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98F8-4886, số khung Y1004804, số máy 00506304, đã qua sử dụng, có trị giá 1.000.000 đồng.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSE, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98H7-2109, số máy 002623, số khung 0021P004623, đã qua sử dụng, có trị giá 1.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn N yêu cầu Nguyễn Văn M phải bồi thường cho anh số tiền 1.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, một đầu gắn nhựa màu đen, có ký hiệu “HONDA”, đã qua sử dụng ; 01 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, có ký hiệu “VĨNH CỬU”, đã qua sử dụng; 01 áo phông nam cộc tay, màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần bò ngắn nam, màu xanh, size 30,

đã qua sử dụng, 01 đôi dép tổ ong, màu trắng, đã qua sử dụng, được nhập kho vật chứng để xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 169/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Th mỗi người 1.000.000 đồng.

Bị hại bà Nguyễn Thị Th trình bày: Khoảng 8 giờ ngày 03/7/2020, bà đi làm phục vụ tại quán bia số 309, đường Cả Trọng, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh B và để chiếc xe máy nhãn hiệu DAMSELL BKS 98F8-4886 màu nâu trên vỉa hè cạnh tường Công viên Hoàng Hoa Thám. Đến 12 giờ cùng ngày, bà phát hiện chiếc xe của bà đã bị mất. Chiếc xe này bà mua năm 2017 để làm phương tiện đi lại. Nay cơ quan Công an không thu hồi được chiếc xe để trả cho bà thì bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà 1.000.000 đồng, tương ứng với giá trị chiếc xe đã mất. Về mức hình phạt đối với bị cáo, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/07/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Văn N 1.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th 1.000.000 đồng.
4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, một đầu gắn nhựa màu đen, có ký hiệu “HONDA”, đã qua sử dụng ; 01 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, có ký hiệu “VĨNH CỬU”, đã qua sử dụng; 01 áo phông nam cộc tay, màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần bò ngắn nam, màu xanh, size 30, đã qua sử dụng, 01 đôi dép tổ ong, màu trắng, đã qua sử dụng.
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm đoàn tụ với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/7/2020 đến ngày 03/7/2020, bị cáo Nguyễn Văn M đã thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” của những người bị hại trên địa bàn thành phố B, bao gồm: Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 02/7/2020, tại cửa số nhà 86 đường Lưu Nhân Ch, phường Thọ Xương, thành phố B, Nguyễn Văn M đã có hành vi trộm cắp của anh Trần Văn N, sinh năm 1985, trú tại thôn Toàn Thắng, xã Lão H, huyện Yên D, tỉnh B 01 chiếc xe mô tô biển số 98H7-2109, nhãn hiệu DAMSEL, màu sơn nâu, số máy 002623, số khung 0021P004623, đã qua sử dụng, có trị giá 1.000.000 đồng. Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 03/7/2020, tại cửa số nhà 309 đường Cả Trọng, phường Hoàng Văn T, thành phố B, Nguyễn Văn M đã có hành vi trộm cắp của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963, trú tại thôn Thuyền, xã Đình Trì, thành phố B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAMSEL, biển số 98F8-4886, màu sơn nâu, số máy 00506304, số khung Y1004804, đã qua sử dụng, có trị giá 1.000.000 đồng. Bản thân Nguyễn Văn M có tiền án về tội trộm cắp tài sản và có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án và 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu bản thân mà tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật. Do vậy, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam có thời hạn để đảm bảo giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo ra đầu thú. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 2 vụ trộm cắp nên phải chịu T tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Văn N 1.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th 1.000.000 đồng.

[8] Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, một đầu gắn nhựa màu đen, có ký hiệu “HONDA”, đã qua sử dụng; 01 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, có ký hiệu “VĨNH CỬU”, đã qua sử dụng; 01 áo phông nam cộc tay, màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần bò ngố nam, màu xanh, size 30, đã qua sử dụng, 01 đôi dép tổ ong, màu trắng, đã qua sử dụng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với chị Không Thị B có hành vi mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H7-2109 do M đem đến bán ngày 02/7/2020 nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên chị Bắc không vi phạm pháp luật.

[10] Đối với 02 người nam Th niên đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F8-4886 do M khai không biết tên tuổi địa chỉ của họ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

[11] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a,b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/07/2020.
- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Văn N 1.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị Th 1.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, một đầu gắn nhựa màu đen, có ký hiệu “HONDA”, đã qua sử dụng ; 01 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại, có ký hiệu “VĨNH CỬU”, đã qua sử dụng; 01 áo phông nam cộc tay, màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần bò ngắn nam, màu xanh, size 30, đã qua sử dụng, 01 đôi dép tổ ong, màu trắng, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Thảo**